

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÁI BẢO HIỂM PVI  
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2015

**BÁO CÁO**  
**Về công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh**  
**của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI – Năm tài chính**  
**từ 01/01/2014 đến 31/12/2014**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm soát xin báo cáo kết quả công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hoặc “PVIRE”) cho năm tài chính từ 01/01/2014 đến 31/12/2014 như sau:

**Phần I. Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS)**

Sau khi Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển đổi sang mô hình Tổng Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/01/2013, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI được bầu tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên 2013 ngày 30/10/2013, gồm 3 thành viên: 1 Trưởng ban và 2 thành viên. Các thành viên trong BKS được phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. Nhiệm vụ chính của BKS bao gồm giám sát việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của PVIRE; thẩm định báo cáo tài chính và báo cáo tình hình kinh doanh của PVIRE theo kế hoạch hoạt động hàng năm của BKS. BKS cũng đã tiến hành giám sát hoạt động của PVIRE qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan.

Nội dung kiểm tra giám sát của BKS trong năm tài chính 2014 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD).
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông; Nghị quyết Hội đồng Quản trị và thẩm định báo cáo hoạt động của HDQT.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVIRE.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm; Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính Quý I, II, III, IV và cả năm 2014.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVIRE nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVIRE đạt hiệu quả cao nhất.

## Phần II. Kết quả kiểm tra giám sát

### A. Tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVIRE

#### I. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

BKS đánh giá PVIRE đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của PVIRE được lập vào ngày 31/12/2014 và được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định về kế toán khác tại Việt Nam.

#### II. Cơ cấu vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị: triệu đồng

TÀI SẢN	31/12/2014	31/12/2013	Tăng/giảm	%
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>	<b>3,527,698</b>	<b>1,538,789</b>	<b>1,988,908</b>	<b>229%</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>356,419</b>	<b>359,172</b>	<b>- 2,754</b>	<b>99%</b>
1. Tiền	29,039	132,172	- 103,134	22%
2. Các khoản tương đương tiền	327,380	227,000	100,380	144%
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>968,455</b>	<b>660,000</b>	<b>308,455</b>	<b>147%</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	968,455	660,000	308,455	147%
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>380,653</b>	<b>518,563</b>	<b>- 137,910</b>	<b>73%</b>
1. Phải thu của khách hàng	383,505	522,559	- 139,054	73%
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	339,713	522,559	- 182,846	65%
Phải thu khác của khách hàng	43,792	37,495	6,297	117%
2. Các khoản phải thu khác	115	140	- 26	82%
3. Dự phòng phải thu khó đòi	- 2,967	- 4,136	1,169	72%
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>129,015</b>	<b>1,054</b>	<b>127,962</b>	<b>12245%</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	128,802	438	128,364	29395%
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	128,337	-	128,337	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	465	438	27	106%
2. Thuế GTGT được khấu trừ	116	491	- 375	24%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	14	
4. Tài sản ngắn hạn khác	83	125	- 41	67%
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>1,693,156</b>	<b>-</b>	<b>1,693,156</b>	
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	564,103	-	564,103	
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1,129,053	-	1,129,053	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>55,482</b>	<b>10,813</b>	<b>44,669</b>	<b>513%</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>8,000</b>	<b>6,000</b>	<b>2,000</b>	<b>133%</b>

1. Phải thu dài hạn khác	8,000	6,000	2,000	133%
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	8,000	6,000	2,000	133%
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>7,835</b>	<b>4,259</b>	<b>3,577</b>	<b>184%</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	3,316	2,468	847	134%
2. Tài sản cố định vô hình	4,520	1,790	2,730	252%
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>20,000</b>	<b>-</b>	<b>20,000</b>	
1. Đầu tư dài hạn khác	20,000	-	20,000	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>19,647</b>	<b>554</b>	<b>19,093</b>	<b>3544%</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	19,647	554	19,093	3544%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>3,583,180</b>	<b>1,549,602</b>	<b>2,033,578</b>	<b>231%</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>2,849,016</b>	<b>849,221</b>	<b>1,999,796</b>	<b>335%</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>2,849,016</b>	<b>849,221</b>	<b>1,999,796</b>	<b>335%</b>
1. Phải trả cho người bán	571,927	570,654	1,273	100%
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>550,644</i>	<i>541,046</i>	<i>9,598</i>	<i>102%</i>
<i>Phải trả khác cho người bán</i>	<i>21,283</i>	<i>29,608</i>	<i>-8,325</i>	<i>72%</i>
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10,769	10,046	723	107%
3. Phải trả người lao động	7,723	2,608	5,115	296%
4. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	107,778	2,329	105,449	4627%
<i>Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</i>	<i>104,356</i>	<i>-</i>	<i>104,356</i>	
5. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	778	18	760	4372%
6. Dự phòng nghiệp vụ	2,150,042	263,267	1,886,775	817%
<i>Dự phòng phí</i>	<i>759,584</i>	<i>116,102</i>	<i>643,481</i>	<i>654%</i>
<i>Dự phòng bồi thường nhận TBH</i>	<i>1,363,987</i>	<i>133,659</i>	<i>1,230,328</i>	<i>1020%</i>
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	<i>26,471</i>	<i>13,505</i>	<i>12,966</i>	<i>196%</i>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)</b>	<b>734,163</b>	<b>700,382</b>	<b>33,782</b>	<b>105%</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>734,163</b>	<b>700,382</b>	<b>33,782</b>	<b>105%</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	668,000	668,000	-	100%
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3,609	3,238	371	111%
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	8,807	4,361	4,447	202%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	53,747	24,783	28,964	217%
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3,583,180</b>	<b>1,549,602</b>	<b>2,033,578</b>	<b>231%</b>

### Về quy mô Tổng tài sản và tốc độ tăng trưởng

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2014 của PVIRE đạt 3.583 tỷ đồng, tăng 2,034 tỷ đồng (tương ứng tăng 231%) so với tại thời điểm 31/12/2013. Có sự thay đổi lớn như vậy là do từ năm 2014 áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 232, trong đó hạch toán tách biệt các chi tiêu dự phòng phí nhận, dự phòng phí nhượng, dự phòng bồi thường nhận, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm. Đồng thời có thêm một số chỉ

tiêu mới là “chi phí hoa hồng chưa phân bổ” hạch toán vào tài sản và “doanh thu hoa hồng chưa được hưởng” hạch toán vào nguồn vốn.

Ngoài các khoản mục thay đổi lớn so với thời điểm 31/12/2013, các khoản mục tài sản khác có thay đổi đáng kể so với tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 308 tỷ, tương đương tăng 47%, phải thu khách hàng giảm 139 tỷ đồng tương đương giảm 27%, đầu tư dài hạn tăng 20 tỷ và chi phí trả trước dài hạn tăng 19 tỷ.

Các khoản mục nợ phải trả có thay đổi đáng kể so với thời điểm 31/12/2013 bao gồm dự phòng phí và dự phòng bồi thường, nếu được hạch toán theo thông tư 150/2001/QĐ-BTC sẽ là chỉ tiêu dự phòng phí giữ lại và dự phòng bồi thường phân giữ lại. Trong đó dự phòng phí giữ lại tăng 79 tỷ đồng tương đương tăng 68%, dự phòng bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại tăng 101 tỷ, tương đương tăng 76%. Vốn chủ sở hữu tăng 34 tỷ đồng chủ yếu do lợi nhuận chưa phân phối tăng 29 tỷ.

#### Về cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn

Trong tổng tài sản của PVIRE tại ngày 31/12/2014, chiếm tỷ trọng lớn nhất là các khoản Tài sản tái bảo hiểm, tương đương 47%, tiếp đến là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tương đương 27%, và các khoản phải thu chiếm 11% và tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 10%. Tài sản ngắn hạn chiếm đến hơn 98% tổng tài sản, trong khi tài sản dài hạn chỉ chiếm chưa đến 2%.

Tại thời điểm 31/12/2014, gần như toàn bộ các khoản đầu tư của PVIRE đều là đầu tư ngắn hạn với giá trị trên 1.200 tỷ. Do vậy, PVIRE đang phải đối mặt với rủi ro rất lớn về lãi suất.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2014 là 20%, các khoản dự phòng nghiệp vụ chiếm 60% và các khoản phải trả ngắn hạn chiếm 16%.

### III. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh qua các chỉ tiêu tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2013	Tăng/giảm	%
1. Doanh thu phí bảo hiểm	1,542,806	1,332,316	210,491	116%
- Phí nhận tái bảo hiểm	1,625,327	1,333,544	291,783	122%
- (Tăng)/giảm dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	82,521	1,228	81,292	6718%
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	1,189,991	1,088,895	101,096	109%
- Phí nhượng tái bảo hiểm	1,193,133	1,088,895	104,238	110%
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	3,142	-	3,142	
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>	<b>352,815</b>	<b>243,421</b>	<b>109,394</b>	<b>145%</b>
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh tái bảo	144,409	222,557	- 78,148	65%

Chỉ tiêu	2014	2013	Tăng/giảm	%
hiểm				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	120,850	201,485	- 80,635	60%
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	23,559	21,073	2,486	112%
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh TBH</b>	<b>497,224</b>	<b>465,978</b>	<b>31,246</b>	<b>107%</b>
6. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	429,700	330,364	99,336	130%
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	315,113	279,680	35,433	113%
8. (Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhận tái	1,002,010	84,287	917,723	1189%
9. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	900,736	-	900,736	
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>	<b>215,861</b>	<b>134,971</b>	<b>80,890</b>	<b>160%</b>
11. Trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	12,966	7,339	5,626	177%
12. Chi khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm	209,801	275,018	- 65,216	76%
- Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	164,570	232,081	- 67,510	71%
- Chi khác hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm	45,231	42,937	2,294	105%
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh TBH</b>	<b>438,628</b>	<b>417,328</b>	<b>21,300</b>	<b>105%</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh TBH</b>	<b>58,596</b>	<b>48,650</b>	<b>9,946</b>	<b>120%</b>
15. Doanh thu hoạt động tài chính	113,505	74,841	38,664	152%
16. Chi phí hoạt động tài chính	28,926	13,678	15,248	211%
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính</b>	<b>84,580</b>	<b>61,163</b>	<b>23,416</b>	<b>138%</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24,740	30,831	- 6,091	80%
<b>19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>118,436</b>	<b>78,982</b>	<b>39,453</b>	<b>150%</b>
20. Thu nhập khác	704	-	704	
21. Chi phí khác	53	-	53	
<b>22. Lợi nhuận khác</b>	<b>651</b>	<b>-</b>	<b>651</b>	
<b>23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>119,086</b>	<b>78,982</b>	<b>40,104</b>	<b>151%</b>
24. Thuế thu nhập doanh nghiệp	26,141	19,176	6,965	136%
<b>25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>92,946</b>	<b>59,806</b>	<b>33,140</b>	<b>155%</b>

Trong cả năm 2014, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 119,1 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước, hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm sau khi trừ chi phí

quản lý doanh nghiệp lãi 33,8 tỷ đồng (Quý 1/2014 lỗ 0,8 tỷ đồng, Quý 2/2014 lỗ 3,2 tỷ đồng; Quý 3/2014 lãi 7,8 tỷ đồng; Quý 4/2014 lãi 30 tỷ đồng).

Phương pháp hạch toán theo thông tư 232/2012/TT-BTC có 2 ảnh hưởng chính đến các chỉ tiêu doanh thu chi phí như sau:

- Chỉ tiêu doanh thu hoa hồng nhượng TBH và chi hoa hồng nhận TBH được hạch toán trừ đi dự phòng chênh lệch hoa hồng tạm trích nên giảm so với chỉ tiêu năm 2013. Ảnh hưởng của dự phòng chênh lệch hoa hồng tạm trích đến lợi nhuận kinh doanh tái bảo hiểm do thay đổi cách hạch toán là 23,98 tỷ đồng. Nếu loại trừ khoản này thì lợi nhuận kinh doanh TBH là 9,82 tỷ đồng.
- Chi phí kinh doanh không được hạch toán vào chi phí quản lý như các năm trước theo thông tư 150/2001/QĐ-BTC mà được hạch toán vào chỉ tiêu chi khác hoạt động KDBH. Chi quản lý năm 2014 là 24,7 tỷ, giảm 20% so với năm 2013.

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh TBH trong năm 2014 tăng 31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương đương chỉ tăng 6,7% mặc dù các chỉ tiêu khác đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu phí bảo hiểm thuần tăng 109 tỷ đồng (tương đương tăng 45%). Nguyên nhân là do 104 tỷ doanh thu hoa hồng nhượng tái phát sinh năm 2014 được phân bổ cho các kỳ kế toán sau theo Thông tư 232/2012/TT-BTC.

Chi phí hoạt động kinh doanh TBH cũng chỉ tăng 21,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương đương tăng 5%, mặc dù các chỉ tiêu chi phí đều tăng mạnh như tổng chi bồi thường bảo hiểm cao hơn 81 tỷ đồng, tương đương tăng 60%. Nguyên nhân là do một phần chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm cũng được phân bổ theo hướng dẫn kế toán mới (128 tỷ đồng).

Lợi nhuận hoạt động tài chính tăng 23,4 tỷ đồng, tương đương tăng 38%.

Các chỉ số hoạt động kinh doanh chính:

Chỉ tiêu tài chính	2014	2013
Tỷ lệ tổn thất %	60.80%	53.80%
Tỷ lệ chi phí %	30.21%	39.46%
Tỷ lệ chi phí gộp %	91.00%	93.26%
LN/VCSH % (bình quân năm)	13.05%	11.47%
LN HĐTC/VCSH% (bình quân năm)	11.87%	11.73%

#### IV. Kết quả kinh doanh theo từng hoạt động

##### 1. Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm Quý 4 và năm 2014 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	2014	2013	Tăng/(giảm)	%
Thu phí nhận TBH	1,625,327	1,333,544	291,783	122%
Chuyển phí nhượng TBH và giảm trừ khác	- 1,193,133	-1,088,895	- 104,238	110%
<b>DT phí giữ lại thuần</b>	<b>432,194</b>	<b>244,649</b>	<b>187,545</b>	<b>177%</b>
Thu hoa hồng nhượng TBH	120,850	201,485	- 80,635	60%
Chi hoa hồng nhận TBH	- 164,570	- 232,081	67,510	71%
<b>Thu/(chi) thuần hoa hồng TBH</b>	<b>- 43,720</b>	<b>- 30,596</b>	<b>- 13,124</b>	<b>143%</b>
Chi bồi thường nhận TBH	- 429,700	- 330,364	- 99,336	130%
Thu bồi thường nhượng tái	315,113	279,680	35,433	113%
<b>BT thuộc trách nhiệm giữ lại</b>	<b>- 114,587</b>	<b>- 50,683</b>	<b>- 63,903</b>	<b>226%</b>
Thu khác hoạt động TBH	23,559	21,073	2,486	112%
Chi khác hoạt động TBH	- 45,231	- 42,937	- 2,294	105%
<b>Thu/(chi) thuần khác TBH</b>	<b>- 21,672</b>	<b>- 21,864</b>	<b>192</b>	<b>99%</b>
(Tăng)/giảm DP phí	- 79,379	- 1,228	- 78,150	6462%
(Tăng)/giảm DP bồi thường	- 101,274	- 84,287	- 16,987	120%
(Tăng)/giảm DP dao động lớn	- 12,966	- 7,339	- 5,626	177%
<b>Chi phí dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>- 193,619</b>	<b>- 92,855</b>	<b>- 100,764</b>	<b>209%</b>
<b>Lợi nhuận gộp KD TBH</b>	<b>58,596</b>	<b>48,650</b>	<b>9,946</b>	<b>120%</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>- 24,740</b>	<b>- 30,831</b>	<b>6,091</b>	<b>80%</b>
<b>Lãi/ (lỗ) thuần từ KD TBH</b>	<b>33,856</b>	<b>17,819</b>	<b>16,037</b>	<b>190%</b>

Trong tổng doanh thu nhận tái bảo hiểm năm 2014, doanh thu từ PVI Insurance chiếm 61%, tương ứng với 991 tỷ đồng trên tổng doanh thu nhận tái BH là 1,625 tỷ đồng.

Bồi thường phát sinh trong năm 2014 là 429 tỷ đồng, tăng hơn so với năm 2013 là 93 tỷ đồng. Trong năm 2014, bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại của PVIRe phát sinh nhiều nhất ở các loại hình tài sản, hàng không, thân tàu và năng lượng.

## 2. Hoạt động tài chính

Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính toàn bộ liên quan đến hoạt động tiền gửi ngân hàng và lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi tiết như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2013	Tăng/(giảm)	%
Doanh thu hoạt động tài chính	113,505	74,841	38,664	152%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	377	382	- 5	99%
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	84,417	57,522	26,895	147%
Lãi do chênh lệch tỷ giá	28,711	16,937	11,774	170%

Chỉ tiêu	2014	2013	Tăng/(giảm)	%
Chi phí hoạt động tài chính	28,926	13,678	15,248	211%
<i>Lỗ do chênh lệch tỷ giá</i>	<i>23,197</i>	<i>13,005</i>	<i>10,192</i>	<i>178%</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>5,729</i>	<i>673</i>	<i>5,056</i>	<i>851%</i>
<b>Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>84,580</b>	<b>61,163</b>	<b>23,416</b>	<b>138%</b>

### 3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp 2014 so với năm 2013 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2013	Tăng/(giảm)	%
Chi phí nhân viên quản lý	12,739	17,290	-4,551	74%
Chi phí văn phòng	2,477	2,039	438	122%
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,454	1,704	750	144%
Chi đào tạo	19	1	18	1537%
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	1,541	1,503	38	103%
Chi phí dự phòng	-1,169	4,136	-5,305	-28%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,782	3,280	2,502	176%
Chi hội nghị, giao dịch, quảng cáo	654	472	182	139%
Chi quản lý khác	243	407	-163	60%
<b>Tổng</b>	<b>24,740</b>	<b>30,831</b>	<b>-6,091</b>	<b>80%</b>

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 so với năm 2013 có chi phí nhân viên quản lý giảm 4,5 tỷ đồng, tương đương giảm 26% do khoản trích thưởng hoàn thành kế hoạch năm nay ít hơn năm ngoài. Ngoài ra chi phí dự phòng được hoàn nhập 1,1 tỷ trong năm 2014, giảm 5,3 tỷ đồng so với năm 2013 là nhờ đẩy mạnh công tác thu đòi công nợ, giảm dư nợ quá hạn dẫn tới giảm trích dự phòng nợ khó đòi.

## B. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

### I. Thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của HĐQT và Ban TGD

HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng Điều lệ của PVIRE, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Chỉ thị của Công ty Cổ phần PVI.

Thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cả năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2014:



Đơn vị: tỷ đồng

	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
<b>A</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1,669,000</b>	<b>1,883,945</b>	<b>113%</b>
1	Doanh thu nhận TBH	1,336,541	1,625,327	122%
2	Hoa hồng nhượng TBH	209,360	120,850	58%
3	Thu khác từ hoạt động TBH...	5,000	23,559	471%
4	Doanh thu đầu tư tài chính	99,900	113,505	114%
5	Thu khác		0,7	
<b>B</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>1,529,000</b>	<b>1,764,859</b>	<b>115%</b>
1	Chi phí hoạt động TBH	1,513,100	1,735,933	115%
2	Chi phí đầu tư tài chính	15,900	28,926	182%
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>140,000</b>	<b>119,086</b>	<b>85%</b>
1	Lợi nhuận kinh doanh TBH	56,000	34,507	62%
2	Lợi nhuận tài chính	84,000	84,580	101%
<b>D</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>109,200</b>	<b>92,946</b>	<b>85%</b>
<b>E</b>	<b>Tỷ lệ chi trả cổ tức</b>	<b>12%</b>	<b>12%</b>	<b>100%</b>

Tổng doanh thu vượt mức kế hoạch đề ra, tuy nhiên mức độ tăng của chi phí cao hơn so với kế hoạch và cao hơn mức tăng của tổng doanh thu, do đó lợi nhuận kế toán trước thuế và sau thuế chỉ đạt 85% kế hoạch.

## II. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

### C. Ý kiến của BKS

Năm 2014 là năm PVIRE vừa phải hoàn thiện mô hình tổ chức vừa phải đảm bảo thực hiện kinh doanh trong điều kiện thị trường tài chính sụt giảm đã thấy được sự nỗ lực lớn của ban quản lý điều hành PVIRE.

Trong năm 2015 để thực hiện được mục tiêu phát triển PVIRE và nhằm bảo toàn nguồn vốn trong bối cảnh thị trường khó khăn này, BKS đề nghị:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện tổ chức theo mô hình khối, nâng cao sự tương tác và hiệu quả giữa các Khối và có sự kiểm tra chéo lẫn nhau trong quá trình hoạt động.

- Tiếp tục hiệu chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các công cụ quản lý như KPI, ERM, định kỳ kiểm tra tính tuân thủ trong công tác KSNB & QLRR.

- Tiếp tục rà soát lịch sử và xu hướng tổn thất theo từng dịch vụ/khách hàng để tối ưu hóa mức rủi ro giữ lại.

#### D. Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Ban Kiểm soát

TT	Thời gian	Nội dung	Hình thức kiểm soát
<b>Theo tháng</b>			
1	Hàng tháng	Giám sát tình hình hoạt động SXKD.	Giám sát thông qua báo cáo của PVIRE.
2	Hàng tháng	Giám sát các hoạt động đầu tư của PVIRE.	Giám sát thông qua báo cáo tài chính, báo cáo đầu tư, báo cáo giao ban của PVIRE và kiểm tra chọn mẫu hồ sơ.
3	Hàng tháng	Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT của PVIRE.	Giám sát thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các Văn bản nội bộ
<b>Theo Quý/năm</b>			
1	Hàng quý	Thẩm định cáo báo tài chính, giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh.	Thẩm định thông qua việc soát xét sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán, và báo cáo tài chính hàng quý của PVIRE.
2	Hàng quý	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2014 của PVIRE.	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý.

Trân trọng./.

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**Nguyễn Anh Vũ**